

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 8 năm 2025
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đỗ Thị Thu Hà**
2. Bà **Hoàng Thị Thái**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lục - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tùng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2025/TLST-HN&GD ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025; Quyết định tạm ngưng phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị L**, sinh năm 2000

Nơi cư trú: Bản G, xã MA, tỉnh Điện Biên (trước đây là bản G, xã AC, huyện MA, tỉnh Điện Biên) (Có mặt).

Nghề nghiệp: *Làm ruộng*

Bị đơn: Anh **Lò Văn T**, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Bản BM, xã MA, tỉnh Điện Biên (trước đây là bản BM, xã AN, huyện MA, tỉnh Điện Biên) (Có mặt).

Người phiên dịch cho bị đơn anh Lò Văn T: Bà **Lường Thị Th.**

Trú tại: Số nhà 69, tổ 1, phường ĐBP, tỉnh Điện Biên.(Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.**

Trụ sở: Số 169, phố LĐ, phường H, quận HM, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lò Thị Thanh – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội MA. Người đại diện theo ủy quyền của bà Lò Thị Thanh: Ông Trần Mạnh T - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội MA; Địa chỉ: Bản H, xã MA, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

2. Ông **Lò Văn Ph**, sinh năm 1967 và bà **Lò Thị L**, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Bản BM, xã AN, huyện MA (nay là xã MA) tỉnh Điện Biên (là bố mẹ đẻ của bị đơn Lò Văn T) (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 26/4/2025, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

- **Về hôn nhân:** Tôi và anh Lò Văn T đăng kí kết hôn ngày 19/8/2018 tại UBND xã AN, huyện MA, (nay là xã MA) tỉnh Điện Biên. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới chúng tôi chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên cờ bạc, chơi bời, nghiện chất ma túy không chăm lo cho cuộc sống gia đình dẫn đến cãi vã và không tìm được tiếng nói chung, anh T đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng nhưng về vẫn không cai được chất ma túy. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ tháng 3 năm 2023 tôi và anh T sống ly thân, tôi chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại bản G, xã AC, huyện MA, (nay là xã MA) tỉnh Điện Biên. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn T.

- **Về con chung:** Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 01 người con chung là cháu Lò Thị Bảo Tr sinh ngày 04/10/2018 hiện đang sống cùng anh T. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn là tôi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tr đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tại phiên toà chị có nguyện vọng để cháu Tr cho anh T và ông bà nội chăm sóc và nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: chị cấp dưỡng nuôi cháu Tr mỗi tháng 2.000.000 đồng /tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- **Về tài sản chung, tài sản riêng:** Tôi và anh T không có.

- **Về nợ phải trả, nợ lấy về:** Trước khi kết hôn gia đình anh T có một khoản nợ đứng tên ông Lò Văn Ph nợ Ngân hàng chính sách số tiền là 30.000.000đ. Năm 2020 do chưa có điều kiện chi trả và vợ chồng tôi có nhu cầu vay thêm làm bãi cà phê nên vợ chồng tôi đã đảo số vay thêm số tiền 40.000.000đ đứng tên tôi. Tổng nợ Ngân hàng chính sách xã hội MA là 70.000.000đ, tôi có nguyện vọng được chia đôi nợ, tôi sẽ có trách nhiệm trả 35.000.000đ và anh T có trách nhiệm trả 35.000.000đ cho ngân hàng chính sách xã hội MA và lãi phát sinh.

* **Bị đơn:** Tại bản tự khai ngày 05/6/2025 Anh Lò Văn T trình bày:

- **Về hôn nhân:** Tôi T và Chị Lò Thị L đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2018 đến năm 2023 tại xã AN nay là xã MA, tỉnh Điện Biên hạnh phúc được một thời gian thì có sảy ra cãi vã. Từ năm 2023 chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Nay chị L có đơn xin ly hôn tôi không đồng ý ly hôn.

Tại phiên toà anh T trình bày: anh và chị L có đăng ký kết hôn năm 2018. Cuối năm 2023 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và anh với chị L ly thân từ đó đến nay. Sau đó anh đi cai nghiện 18 tháng nay anh không còn tình cảm gì với chị L và không muốn ly hôn, mong muốn chị quay về đi làm trả hết khoản nợ ngân hàng chính sách xã hội MA rồi ly hôn sau.

- **Về con chung:** Trong quá trình chung sống tôi và chị Lò Thị L có 01 người con là cháu Lò Thị Bảo Tr sinh ngày 04/10/2018. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn là tôi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tr đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh cũng nhất trí với ý kiến của chị L về việc giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung thu về:** Không có.

- Nợ chung phải trả: Tôi và chị L có vay Ngân hàng chính sách xã hội do chị L đứng tên số tiền là 70.000.000đồng, đây là nợ chung của vợ chồng không liên quan đến bố mẹ tôi. Tôi không nhất trí trả khoản tiền trên vì tôi không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên đề nghị chị L trả toàn bộ số nợ trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- **Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh MA tại bản tự khai và tại phiên tòa trình bày:** Chị Lò Thị L và anh Lò Văn T có vay của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội MA, Điện Biên 02 khoản vay một khoản vay nước sạch, vệ sinh là 20.000.000đồng; khoản vay phát triển cây cà phê là 50.000.00đồng. Tổng số nợ là 70.000.000 VND (Bảy mươi triệu đồng) theo sổ vay vốn mã khách hàng số 7100373850. Tôi yêu cầu chị L và anh T trả số tiền nợ và lãi phát sinh cho ngân hàng theo sổ vay vốn, ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

- **Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2025 ông Lò Văn Ph và bà Lò Thị L trình bày:** Năm 2018 vợ chồng anh T chị L lấy nhau về và ở cùng vợ chồng tôi ở Bản BM, xã MA đến năm 2023 thì con dâu L bỏ đi làm được một thời gian thì con trai tôi T đi cai nghiện 18 tháng. Về khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội MA do vợ chồng tôi già rồi nên không biết chỉ biết chúng nó vay để mua máy khoan, sau đó 2 vợ chồng bán đi chúng tôi không được chúng đầu tư vào gia đình. Về giấy uỷ quyền ngày 30/3/2020 để vay vốn chúng tôi không được điểm chỉ, không biết gì về khoản vay của vợ chồng chúng nó. 02 vợ chồng về ở chung cùng vợ chồng tôi không có tài sản gì, con gái chúng nó vợ chồng tôi vẫn nuôi từ đó đến nay.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:**

- Tòa án đã tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Lò Văn T; xác minh nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn của chị L, anh T và xác minh điều kiện kinh tế của chị Lò Thị L.

*** Quan điểm của đại diện VKSND Khu vực 1 - Điện Biên:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, Tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1-Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hôn nhân:** Tuyên bố chị Lò Thị L được ly hôn anh Lò Văn T.

- **Về con chung:** chấp nhận sự thỏa thuận của chị L và anh T Giao cháu Lò Thị Bảo Tr sinh ngày 04/10/2018 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị L cấp dưỡng nuôi cháu Tr 2.000.000đồng/ tháng (hai triệu đồng) đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- **Tài sản chung, nợ lấy về:** Chị L, anh T không có.

- **Nợ phải trả:** Chị L, anh T có nợ Ngân hàng chính sách xã hội MA là 70.000.000đ. Chị L sẽ có trách nhiệm trả 35.000.000đ và anh T có trách nhiệm trả 35.000.000đ cho ngân hàng chính sách xã hội MA và lãi phát sinh.

- **Án phí:** Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chị Lò Thị L phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 1.750.000đồng (35.000.000đồng x 5%) án phí dân sự có giá ngạch nhưng chị sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí cho chị L.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh T phải chịu 1.750.000đồng (35.000.000đồng x 5%) án phí dân sự có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND Khu vực 1 - Điện Biên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Ngày 03/6/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt trực tiếp cho bị đơn là anh Lò Văn T.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng hoà giải không thành.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Nguyên đơn chị L, anh T có mặt.

Toà án đã phải tạm ngưng phiên toà để thu thập thêm tài liệu chứng cứ và Hoàn phiên toà do anh T vắng mặt. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn là chị Lò Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như đơn khởi kiện; Bị đơn là anh Lò Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

[2] Nội dung vụ án:

*** Về hôn nhân:** Theo nội dung đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị Lò Thị L và anh Lò Văn T tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L, anh T đăng ký kết hôn ngày 19/8/2018 tại UBND xã AN, huyện MA, (nay là xã MA) tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị hoà thuận, đầm ấm, hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên cờ bạc, chơi bời, nghiện chất ma túy không chăm lo cho cuộc sống gia đình dẫn đến cãi vã và không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 3 năm 2023 chị L bỏ về nhà bố mẹ ở anh, chị sống ly thân từ đó đến nay. Tại phiên tòa Chị L, anh T đều thừa nhận không còn tình cảm với nhau, không cùng muốn sống cùng nhau. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bốn phần của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Chị L, anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị L. Tuyên xử cho Chị Lò Thị L được ly hôn với Anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị L và Anh Lò Văn T có 01 người con chung là cháu Lò Thị Bảo Tr sinh ngày 04/10/2018. Chị L, anh T đều có nguyện vọng sau khi ly hôn, được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Lò Thị Bảo Tr đang con nhỏ, sống cùng với anh T, ông bà nội và được chăm sóc, học tập tốt.

Tại phiên tòa anh T, chị L thoả thuận là để anh Lò Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Thị Bảo Tr đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Anh T, chị L thoả thuận chị L cấp dưỡng nuôi cháu Tr 2.000.000đồng/ 1 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình cần chấp nhận nguyện vọng của Liêm về việc giao nuôi con chung, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

*** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ thu về:** Không có, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- **Nợ phải trả:** Chị L, anh T có nợ Ngân hàng chính sách xã hội MA là 70.000.000đ. Áp dụng Điều 463, 466 BLDS; Áp dụng Điều 27, 60 Luật HNGĐ 2014 buộc chị L sẽ có trách nhiệm trả 35.000.000đ cho ngân hàng chính sách xã hội MA và lãi phát sinh; anh T có trách nhiệm trả 35.000.000đ cho ngân hàng chính sách xã hội MA và lãi phát sinh.

[3] Về án phí: Chị Lò Thị L phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; chị L phải chịu 1.750.000đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Nhưng HĐXX áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị L sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Hội đồng xét xử

miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị L; Miễn án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí có giá ngạch cho chị L.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh T phải chịu 1.750.000đồng (35.000.000đồng x 5%) án phí dân sự có giá ngạch.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Điện Biên phát biểu ý kiến hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Điều 463, 466 BLDS;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của BLTTDS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Điều 27, Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, các Điều 83, 84, 86, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm d khoản 1 điều 12; điểm b khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Lò Thị L: Chị Lò Thị L được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Bảo Tr sinh ngày 04/10/2018 cho anh Lò Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị L cấp dưỡng nuôi cháu Tr mỗi tháng 2.000.000đồng /tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh T, chị L có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung lấy về: Chị L, anh T không có.

- **Nợ phải trả:** Chị L, anh T có nợ Ngân hàng chính sách xã hội MA là 70.000.000đ. Đề nghị HĐXX buộc chị L sẽ có trách nhiệm trả 35.000.000đ; anh T có trách nhiệm trả 35.000.000đ cho ngân hàng chính sách xã hội MA và lãi phát sinh.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch; án phí cấp dưỡng nuôi con; án phí dân sự có giá ngạch chị Lò Thị L.

Buộc anh T phải chịu 1.750.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo: Chị L, anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 27/8/2025).

Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội MA được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Ph, bà L có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án ở nơi cư trú đối với người vắng mặt.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 1 – Điện Biên;
- Phòng thi hành án hình sự khu vực 1
- Điện Biên;
- UBND xã Mường Ảng.
- Các Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân